

Số: 179 /TB-THQT

"V/v công bố công khai thuyết minh,
số liệu thực hiện dự toán ngân sách
nhà nước Quý II- năm 2022 "

Mạo Khê, ngày 20 tháng 07 năm 2022

Kính gửi: Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Tiểu học Quyết Thắng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách Quý II- năm 2022 của trường Tiểu học Quyết Thắng

Nhà trường thông báo công bố công khai thuyết minh, số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý II- năm 2022 theo biểu đánh giá thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II- năm 2022 và thuyết minh chi tiết dự toán Quý II- năm 2022 ngày 05/7/2022

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường

Địa điểm niêm yết:

- + Bảng tin phòng hội đồng trường Tiểu học Quyết Thắng.
- + Địa chỉ trang điện tử: Thqt@dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu

Biểu 03

Đơn vị: Trường tiểu học Quyết Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**CÔNG KHAI
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách đầu năm

Trường Tiểu học Quyết Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
.01	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang (*)	<u>20.772.436</u>	<u>20.772.436</u>		
	Nước uống	12.000	12.000		
	Tin học	9.622.392	9.622.392		
	Tiền Anh NNN	2.353.200	2.353.200		
	QLTT trong giờ BT				
	Tiền KNS	1.406.200	1.406.200		
	Tiền CSSKBĐ				

		7.378.644	7.378.644		
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
2	Thu sự nghiệp khác	<u>2.714.139.176</u>	<u>561.647.560</u>		
2.1	Nước uống	50.160.000	16.720.000		
2.2	Tiền ăn + phụ phí	1.518.619.500	333.499.500		
2.3	Tiền thuê CD	234.230.493	54.032.800		
2.4	Tiền CSSKBĐ	33.400.958	30.655.260		
2.5	Tiền BHYT	412.592.175			
2.6	Tiền điều hòa	15.072.450			
2.7	Tiền Tin học	44.514.000	44.514.000		
2,8	Tiền TANN	143.460.000	143.460.000		
2,9	Tiền QLHSBT	89.433.600	89.433.600		
2,1	Tiền học KNS	172.656.000	172.656.000		
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
4	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
5	Hoạt động sự nghiệp khác	<u>2.714.139.176</u>	<u>463.445.392</u>		
5.1	Nước uống	50.160.000	16.732.000		
5.2	Tiền ăn + phụ phí	1.518.619.500	333.499.500		
5.3	Tiền thuê CD	234.230.493	54.032.800		
5.4	Tiền CSSKBĐ	33.400.958	7.378.220		
5.5	Tiền BHYT	412.592.175			
5.6	Tiền điều hòa	15.072.450			
5.7	Tiền Tin học	44.514.000	54.136.392		
2,8	Tiền TANN	143.460.000	145.813.200		
2,9	Tiền QLHSBT	89.433.600	89.433.600		

2,1	Tiền học KNS	172.656.000	174.062.200		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.584.000.000	1.443.567.580		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.584.000.000	1.443.567.580		
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>4.554.000.000</u>	<u>1.075.662.291</u>		
	Mục 6000: Tiền lương	2.361.232.800	597.574.149		
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.202.864.556	307.690.986		
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000			
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	35.000.000			
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	934.902.644	165.152.356		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		5.244.800		
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>980.000.000</u>	<u>320.608.789</u>		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	110.000.000	10.358.791		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80.000.000	6.830.000		
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	25.000.000	5.016.000		
	Mục 6650: Hội nghị	15.000.000	13.949.000		
	Mục 6700: Công tác phí	75.000.000	2.400.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100.000.000	30.235.998		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	180.000.000	40.125.500		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	173.962.000	73.450.000		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	221.038.000	138.243.500		
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình				
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>50.000.000</u>	<u>47.296.500</u>		

	Mục 7750: Chi khác	50.000.000	47.296.500		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		-
	Phụ cấp lương				
	Học bổng , hỗ trợ khác cho học sinh sinh viên...				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Chi thuê mướn				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
	Chi khác				

LẬP BIỂU



Vũ Thị Cúc

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu